



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 14

Ngày 16 tháng 01 năm 2023

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|------------|---|----|
| 12-01-2023 | Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 2 |
| 16-01-2023 | Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk. | 10 |

VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|------------|--|----|
| 14-12-2022 | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND về kết quả giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân (đất nông nghiệp và đất ở) và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2021". | 21 |
|------------|--|----|

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 01/2023/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu
của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của
Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà
nước;*

*Căn cứ Khoản 2 Điều 54 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4
năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan
nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại các văn
bản: Tờ trình số 127/TTr-STTTT ngày 11 tháng 11 năm 2022, Công văn số
32/STTTT-CNTT ngày 09 tháng 01 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác, sử dụng
dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU
DÙNG CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số: 01/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định về khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã).
- Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu số của cơ quan nhà nước được cơ quan nhà nước chia sẻ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Dữ liệu số là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu.
- Dữ liệu mở là dữ liệu được cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức và cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.
- Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung là danh mục các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, cập nhật đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 11 và khoản 2 Điều 55 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.
- Dữ liệu chuyên ngành là dữ liệu của một ngành, lĩnh vực do cơ quan

nhà nước quản lý.

5. Dữ liệu giao dịch là dữ liệu phát sinh trong quá trình cơ quan thực hiện một giao dịch chuyên ngành hay giao dịch quản lý nội bộ đơn vị.

6. Đơn vị chủ quản là các cơ quan, đơn vị có danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung được chia sẻ cho toàn tỉnh.

7. Kho dữ liệu dùng chung (gọi tắt là kho dữ liệu) là nơi chứa cơ sở dữ liệu, có những thành phần chính trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để chia sẻ cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Luật Giao dịch điện tử và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Các thông tin, dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên; đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan.

2. Các thông tin chuyên ngành do các sở, ban, ngành cung cấp, được công bố trên Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phải đảm bảo các quy định hiện hành về bảo mật thông tin, không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

3. Danh mục cơ sở dữ liệu được các cơ quan, đơn vị chia sẻ lên Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung không được trùng với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành và phải đảm bảo được đồng bộ với cơ sở dữ liệu dùng chung của các bộ ngành.

4. Các cơ quan, phối hợp thực hiện trên Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung được cấp phát 01 tài khoản truy cập và được phân quyền để cập nhật các thông tin chuyên ngành đơn vị phụ trách được quy định theo chức năng nhiệm vụ.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Làm sai lệch, giảm tính chính xác của dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

3. Lưu trữ dữ liệu trái phép hoặc sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

4. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ, khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU CỦA DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 7. Cách thức vận hành

1. Dữ liệu dùng chung của tỉnh được cung cấp tập trung thống nhất trên cổng dữ liệu của tỉnh tại địa chỉ <http://csdl.daklak.gov.vn>.

2. Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk, có trách nhiệm quản lý, vận thành, đảm bảo an toàn, an ninh đối với Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

3. Đơn vị chủ quản tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

Điều 8. Cơ sở dữ liệu dùng chung

1. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh bao gồm cơ sở dữ liệu của các cơ quan chuyên môn chia sẻ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh được cập nhật hằng năm hoặc khi có nhu cầu thay đổi

3. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh thực hiện đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 9. Quy định về cung cấp, cập nhật dữ liệu trên kho dữ liệu dùng chung

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu cho các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào kho dữ liệu dùng chung theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung được quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 10. Quy định về khai thác dữ liệu trên kho dữ liệu dùng chung

1. Cá nhân, tổ chức có nhu cầu có thể thực hiện khai thác dữ liệu chuyên ngành được công khai trên Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

2. Tất cả các sở, ban, ngành được cấp quyền để cập nhật, khai thác dữ liệu từ Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung qua tài khoản được cấp của mỗi đơn vị và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Đối với khai thác dữ liệu theo cách chia sẻ mặc định cơ quan, tổ chức

khai thác dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

4. Đối với khai thác dữ liệu theo cách chia sẻ dữ liệu đặc thù cơ quan khai thác dữ liệu phối hợp với đơn vị quản lý kho dữ liệu dùng chung của tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 11. Quy định về công bố dữ liệu mở cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp

1. Nguyên tắc cung cấp, sử dụng dữ liệu mở của tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Các đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu của tỉnh có trách nhiệm đơn đốc, thực thi kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở của tỉnh; tập hợp dữ liệu và đăng tải dữ liệu mở trên cổng dữ liệu quốc gia theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị có danh mục cơ sở dữ liệu mở được công bố phải được cập nhật hoặc bổ sung (nếu có) theo định kỳ 03 tháng kể từ thời điểm công bố lên cổng dữ liệu của tỉnh, ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao.

Điều 12. Kinh phí bảo đảm kho dữ liệu dùng chung

1. Ngân sách nhà nước tỉnh đảm bảo cho hoạt động của kho dữ liệu dùng chung.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước tỉnh bảo đảm, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh được sử dụng các nguồn hợp pháp khác để tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ kho dữ liệu dùng chung.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC KẾT NỐI, CHIA SẺ, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 13. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung để giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện đơn giản thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, đường truyền kết nối, an toàn thông tin, quản lý, duy trì, vận hành, nâng cấp, phát triển Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ phát triển chính quyền điện tử.
2. Cấp phát, quản lý tài khoản sử dụng kho dữ liệu dùng chung; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật dữ liệu vào kho dữ liệu dùng chung.
3. Dự toán kinh phí quản lý, duy trì vận hành hệ thống Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh hằng năm.
4. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về việc cập nhật dữ liệu của các sở, ban, ngành.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để triển khai thực hiện các dự án đầu tư hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh.
2. Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí hằng năm cho các đơn vị để triển khai các nhiệm vụ quản lý, duy trì, vận hành và khai thác kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị chủ quản dữ liệu, cung cấp dữ liệu

1. Các sở, ban, ngành có nhiệm vụ đăng tải dữ liệu thuộc thẩm quyền của đơn vị mình lên kho dữ liệu dùng chung khi được UBND tỉnh ban hành Danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh; công bố các dữ liệu do đơn vị mình thu thập, quản lý theo quy định.
2. Hằng năm các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát các danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi của mình, đề xuất các nội dung cơ sở dữ liệu cần xây dựng, phương án xây dựng gửi Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, đánh giá, đề xuất cập nhật, bổ sung vào danh mục dữ liệu chung của tỉnh.
3. Phân công 01 cán bộ, công chức làm đầu mối phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Chương IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 17. Xử lý vi phạm**

Các tổ chức, cá nhân vi phạm Điều 6 Quy chế này tùy thuộc theo tính chất

và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.
2. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.
3. Định kỳ hằng năm, các đơn vị báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông - thực hiện lồng ghép trong báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số hàng năm) về tình hình triển khai xây dựng, chia sẻ, khai thác dữ liệu; đồng thời đề xuất các yêu cầu phát triển, mở rộng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý của đơn vị.
4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc cần đề xuất sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 02/2023/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 161/TTr-SXD ngày 19/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực xây dựng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xây dựng;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc Sở;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngành, lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng theo phân công;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các văn bản khác trong ngành, lĩnh vực xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về quy hoạch xây dựng (bao gồm quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn):

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

b) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo phân cấp, bao gồm: Tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; giới thiệu địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật; cung cấp thông tin về quy hoạch;

đ) Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực của tổ chức tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

e) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng.

5. Về kiến trúc:

a) Thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn và kiểm tra với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành; tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc đột xuất để xem xét, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc;

c) Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh.

6. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát, thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân và cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài;

b) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu

công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, thiết kế xây dựng, giấy phép xây dựng theo quy định;

d) Thực hiện quản lý công tác đấu thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu trên địa bàn tỉnh;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập;

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, ban hành hoặc công bố theo phân cấp hoặc ủy quyền: Các tập đơn giá xây dựng công trình, công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, suất vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của địa phương;

i) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho công tác xây dựng đặc thù của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để tổng hợp theo dõi;

k) Thực hiện việc thông báo các thông tin về định mức, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo tháng, quý hoặc năm, theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng bảo đảm kịp thời với những biến động giá trên thị trường xây dựng;

l) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn theo quy định;

m) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại địa bàn tỉnh theo quy định;

n) Tổ chức sát hạch, cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề xây dựng đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với tổ chức theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi và quản lý các loại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh;

o) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về năng

lực của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng);

p) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

7. Về phát triển đô thị:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập các loại chương trình phát triển đô thị hoặc thẩm định các chương trình phát triển đô thị theo thẩm quyền; xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện; xác định các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình phát triển đô thị, các mô hình quản lý đô thị, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: chương trình nâng cấp đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, xây dựng phát triển đô thị thông minh, dự án cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực quản lý đô thị, dự án đầu tư phát triển đô thị và các chương trình, dự án khác có liên quan đến phát triển đô thị;

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm, đề xuất việc tổ chức hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị đối với các đô thị đã được công nhận loại đô thị; hướng dẫn, kiểm tra các đề án công nhận loại đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị; tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị, pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị;

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư

xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; khai thác sử dụng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện bàn giao quản lý trong khu đô thị hoặc tổ chức thực hiện khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền;

g) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

8. Về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Cấp nước đô thị và khu công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn; công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách phát triển lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức lập, thẩm định theo phân cấp và quy định pháp luật về quy hoạch thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn công tác lập và quản lý chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; tổ chức lập đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hoặc ban hành định mức dự toán các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh chưa có trong các định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố, hoặc đã có nhưng không phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện cụ thể của tỉnh; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá về dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh và giá dự toán chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật sử dụng nguồn vốn ngân sách của địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

9. Về nhà ở:

a) Nghiên cứu xây dựng đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành và điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, bao gồm: Chương trình, kế hoạch phát triển nhà

ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở để phục vụ tái định cư, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân và các chương trình mục tiêu của tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

Cho ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phát triển nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật nhà ở; thực hiện lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị và nhà ở xã hội để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

Xây dựng các cơ chế, chính sách về phát triển và quản lý nhà ở phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành theo thẩm quyền; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn tỉnh theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị của tỉnh; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi quỹ đất thuộc các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới đã giao cho các chủ đầu tư, nhưng không triển khai hoặc triển khai chậm so với tiến độ đã được phê duyệt, quỹ đất 20% dành để xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới nhưng chưa sử dụng để giao cho các chủ đầu tư có nhu cầu đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển quỹ nhà ở công vụ do tỉnh quản lý (bao gồm nhu cầu đất đai và vốn đầu tư xây dựng) theo quy định về tiêu chuẩn diện tích nhà ở công vụ do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

e) Xây dựng, ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ; khung giá cho thuê, thuê mua và giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tiếp nhận quỹ nhà ở tự quản của Trung ương và của tỉnh để thống nhất quản lý, thực hiện bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê theo quy định của pháp luật;

g) Tham gia định giá các loại nhà trên địa bàn theo khung giá, nguyên tắc và phương pháp định giá các loại nhà của Nhà nước;

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, nhà ở xã hội; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh;

i) Tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển và quản lý nhà ở; thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở;

k) Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phát triển nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

l) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

10. Về công sở:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng công sở, trụ sở làm việc; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng, mua bán, cho thuê, thuê mua đối với công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

11. Về thị trường bất động sản:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường bất động sản; các giải pháp nhằm minh bạch hóa hoạt động giao dịch, kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

b) Thực hiện các chính sách, giải pháp điều tiết và bình ổn thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản khác trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các quy định về bất động sản được đưa vào kinh doanh;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ chuyên nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyên nhượng dự án theo thẩm quyền; hướng dẫn kiểm tra các quy định của pháp luật trong hoạt động mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

đ) Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh;

e) Theo dõi, tổng hợp tình hình, tổ chức xây dựng hệ thống thông tin về thị trường bất động sản, hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo hoặc theo yêu cầu đột xuất để Bộ Xây dựng báo cáo theo quy định.

12. Về vật liệu xây dựng:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương; phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương trong quy hoạch tỉnh;

b) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng đã được phê duyệt trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Cho ý kiến thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Hướng dẫn các hoạt động thẩm định, đánh giá về: Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng;

e) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình, dự án khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các sản phẩm cơ khí xây dựng.

13. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực xây dựng.

14. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Sở được giao theo quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

18. Thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng và sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền

lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

22. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2023.

2. Bãi bỏ Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 50/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về kết quả giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân (đất nông nghiệp và đất ở) và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2021”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2022; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2022;

Sau khi xem xét Báo cáo số 233/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân (đất nông nghiệp và đất ở) và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2021; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành nội dung Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân (đất nông nghiệp và đất ở) và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2021 với những đánh giá về kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và các kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất; đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

Đoàn giám sát ghi nhận sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện công tác lập, điều chỉnh, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; chú trọng xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đất đai; việc tiếp nhận, xem xét giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người dân; công tác thanh tra, kiểm tra được quan tâm thực hiện; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của cá nhân, tổ chức, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ban hành nhiều cơ chế, chính sách phù hợp với thẩm quyền, nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm quyền lợi và yêu cầu chính đáng của người dân. Các sở, ngành, đơn vị liên quan và hầu hết UBND cấp huyện, cấp xã đã có nhiều nỗ lực trong triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai; giải quyết hồ sơ liên quan đến cấp GCNQSDĐ, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; kết quả cấp GCNQSDĐ lần đầu hàng năm đều đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; việc theo dõi biến động về đất đai trong GCNQSDĐ đã cấp từng bước được hoàn thiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2021 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện kéo dài, việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thực hiện không đúng thời hạn theo quy định, do đó đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại địa phương. Tính định hướng, tầm nhìn, dự báo trong công tác quy hoạch sử dụng đất còn hạn chế, chưa phù hợp với tình

hình phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến công tác quản lý, nhu cầu sử dụng đất tại địa phương.

Việc lấy ý kiến đóng góp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn mang tính hình thức, ít có ý kiến đóng góp. Việc công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có nơi thực hiện chưa sâu rộng, phần lớn người dân chưa nắm được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Một số địa phương lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đồng bộ với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, kế hoạch sử dụng đất an ninh, quốc phòng. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành trong tỉnh. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về sử dụng đất của địa phương còn thấp hơn nhiều so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đặc biệt là đất giao thông, đất thủy lợi, đất thương mại, dịch vụ, đất sinh hoạt cộng đồng,....

Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, việc sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng quy hoạch, lãng phí, kém hiệu quả vẫn còn xảy ra, như: Tình trạng đất công bị lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng quy hoạch chưa được thu hồi; diện tích đất các hồ đập bị lấn chiếm xây dựng trái phép chưa có biện pháp xử lý; việc cho thuê đất, mượn đất công một số xã, phường không đúng thẩm quyền; nhiều trường hợp xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp nhưng chưa được xử lý dứt điểm, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân. Tình trạng “quy hoạch treo” còn tồn tại ở nhiều địa phương trong tỉnh; một số công trình, dự án kéo dài thời gian thực hiện, triển khai chậm hoặc không có khả năng thực hiện nhưng chưa có biện pháp xử lý. Việc thu hồi đất của các dự án chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định của Luật đất đai; chậm thu hồi, bàn giao đất cho địa phương đối với đất của các Công ty nông lâm nghiệp sử dụng sai mục đích, hoạt động không hiệu quả; Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất tại một số địa phương đã quan tâm thực hiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; việc xử lý sai phạm có nơi, có lúc chưa nghiêm, quá trình xử lý còn lúng túng.

Kết quả cấp GCNQSDĐ lần đầu tại một số địa phương còn thấp hơn bình quân chung của tỉnh; một số địa phương cấp GCNQSDĐ chưa đạt so với yêu cầu đề ra.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc cấp GCNQSDĐ tại một số địa phương chưa chặt chẽ; việc giải quyết thủ tục hành chính chưa kịp thời,... dẫn đến tình trạng hồ sơ quá hạn còn nhiều. Còn tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần; một số cơ quan, tổ chức chưa thực hiện đầy đủ việc xin

lỗi người dân bằng văn bản khi thủ hành chính quá hạn theo tinh thần của Chỉ thị 18/CT-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về một số vụ việc liên quan đến lĩnh vực đất đai còn kéo dài.

Nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai còn nhiều hạn chế, trang thiết bị làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 2. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

Có giải pháp nâng cao chất lượng lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; sớm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tỉnh; chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong công tác lập, điều chỉnh và quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Hàng năm, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đúng thời gian quy định¹.

Quan tâm giải quyết dứt điểm thực trạng quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc thu hồi từ các lâm trường, công ty lâm nghiệp bàn giao cho UBND cấp huyện quản lý và lập phương án sử dụng đất nhưng chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể nên địa phương lúng túng, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Nghiên cứu, khắc phục những vướng mắc khi áp dụng các văn bản liên quan đến đất đai, như: Công văn số 5482/UBND-NN&MT ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2641/UBND-NNMT ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về đất đai; chủ trương, quy định của tỉnh, nhất là việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định nhằm tạo thuận lợi cho Ủy ban MTTQ Việt

¹ Chỉ đạo công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đúng quy định, phê duyệt trước ngày 31/12 năm trước theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư giám sát, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp; cá nhân, tổ chức trong quản lý, sử dụng đất tại địa phương.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; kịp thời chỉ đạo, giải quyết dứt điểm các “dự án treo”, “quy hoạch treo”, các trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; kinh doanh bất động sản không đúng pháp luật.

Nâng cấp hệ thống iGate, đồng bộ giữ liệu để phân định rõ thời hạn giải quyết của các cơ quan có liên quan trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai, như: UBND cấp huyện, Cơ quan Thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã, nhằm xác định chính xác việc giải quyết thủ tục hành chính quá hạn tại từng cơ quan phối hợp, xác định trách nhiệm và thực hiện công khai xin lỗi người dân theo quy định tại Chi thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh về thực hiện nghiêm quy định xin lỗi bằng văn bản khi giải quyết quá hạn thủ tục hành chính.

Chỉ đạo UBND cấp huyện tăng cường phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đất đai tại địa phương, Cơ quan Thuế... nâng cao trách nhiệm xử lý, phối hợp trả lời, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời các nội dung khi được lấy ý kiến hoặc giải quyết hồ sơ thuộc thẩm quyền để giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đảm bảo thời gian theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp GCNQSDĐ cho cá nhân, tổ chức khi có yêu cầu cấp GCNQSDĐ.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; sớm hoàn thiện cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu địa chính, giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 3: Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi, nhiệm vụ của đơn vị chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng